

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam**

Công ty: **CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Điện thoại: 028 – 39453301 – 39453302

Fax: 028 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: **Trịnh Thị Mai Hương**

Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 028 – 39453298

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố).

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính năm 2021 sau kiểm toán của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính năm 2021 sau kiểm toán Hợp nhất của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.
2. Công văn số 49/CV-NVN-TCKT ngày 29/03/2022 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam về việc giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2021 so với năm 2020 của Báo cáo riêng và Hợp nhất.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trịnh Thị Mai Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **49** /CV-NVN-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng **3** năm 2022

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2021 so với năm 2020 của báo cáo riêng và hợp nhất.

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam xin giải trình chênh lệch Kết quả kinh doanh năm 2021 so với năm 2020 như sau:

+ Đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty :

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 lãi: **63.649.667.644** đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 lãi: **12.374.401.778** đồng

Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước là do doanh thu hoạt động tài chính tăng cao so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là khoản cổ tức nhận được từ các công ty liên doanh tăng. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước do trong năm công ty có hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

+ Đối với báo cáo tài chính Hợp Nhất:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 lãi: **74.850.000.908** đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 lãi: **26.972.545.437** đồng

Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước do:

+ Lợi nhuận từ các công ty liên doanh tăng so với năm trước.

+ Chi phí tài chính giảm: Chủ yếu do chi phí lãi vay và khoản chênh lệch tỷ giá giảm so với năm trước,

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: Do trong năm công ty có hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam làm văn bản giải trình để Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 39

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước – Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1, Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381966, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 7 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : +84 (28) 3945 3301 - 3945 3302 - 3945 3303
- Fax : +84 (28) 3945 3298

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội	39A Phố Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa Số Một	403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên danh;
- Tái chế phế liệu, Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và thiết bị kỹ thuật khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Ngọc Diệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Phan Trung Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trang Thị Kiều Thiên	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Chu Thế Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Âu Thị Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Trung Nam (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Trung Nam - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022



Số: 1.0711/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 3 năm 2021.



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-001-1



Phan Cao Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.007.827.474	213.190.381.071
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.528.827.226	5.970.503.197
1. Tiền	111		14.523.895.719	2.946.009.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.004.931.507	3.024.493.737
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		136.269.371.166	92.991.251.788
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	136.269.371.166	92.991.251.788
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.291.008.717	86.797.882.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	68.605.974.232	90.698.281.845
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	865.323.345	1.024.493.545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.616.948.069	1.353.472.319
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	45.653.292.320	64.396.573.468
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(67.450.529.249)	(70.729.541.118)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	54.602.750
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	13.331.379.845	23.820.921.468
1. Hàng tồn kho	141		13.385.959.924	23.820.921.468
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54.580.079)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.587.240.520	3.609.821.809
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.495.842.549	3.562.585.877
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.091.397.971	47.235.932
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.222.016.555	156.450.534.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.040.000.000	21.040.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	251.475.750
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	21.040.000.000	21.040.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	-	(251.475.750)
II. Tài sản cố định	220		380.737.537	483.410.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	380.737.537	457.903.668
- Nguyên giá	222		107.304.130.464	107.304.130.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.923.392.927)	(106.846.226.796)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	25.506.504
- Nguyên giá	228		2.989.290.120	2.989.290.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.989.290.120)	(2.963.783.616)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		125.623.531.266	127.796.029.168
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	33.023.687.895	33.023.687.895
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	121.946.480.594	121.946.480.594
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(29.346.637.223)	(27.174.139.321)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.177.747.752	7.131.095.492
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.903.378.591	6.093.854.159
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	274.369.161	1.037.241.333
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		374.229.844.029	369.640.915.903

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (liếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		174.341.004.919	231.455.711.238
I. Nợ ngắn hạn	310		173.859.876.119	230.972.582.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	39.600.470.231	59.239.889.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	210.400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.071.254.163	10.146.690.576
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.905.440.131	1.102.401.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.462.457.832	13.217.744.749
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	1.161.714.733	1.016.402.449
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	116.053.686.659	144.702.811.435
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.604.852.370	1.336.242.250
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		481.128.800	483.128.800
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	481.128.800	483.128.800
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		199.888.839.110	138.185.204.665
I. Vốn chủ sở hữu	410		199.888.839.110	138.185.171.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	5.599.709.110	(56.103.958.534)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(58.049.958.534)	(68.478.360.312)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		63.649.667.644	12.374.401.778
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	33.199
1. Nguồn kinh phí	431		-	33.199
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		374.229.844.029	369.640.915.903

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022


Trần Thị Phụng
Người lập/ Kế toán trưởng




Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

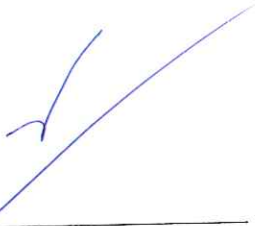
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	316.956.368.503	153.251.858.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		316.956.368.503	153.251.858.161
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	304.821.163.530	135.788.296.961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.135.204.973	17.463.561.200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	74.286.880.476	46.694.909.913
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.087.101.499	30.370.423.051
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.913.051.887	13.715.562.088
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.710.910.869	3.131.435.930
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.380.059.242	18.441.461.533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.244.013.839	12.215.150.599
11. Thu nhập khác	31		265.469.470	96.314.790
12. Chi phí khác	32		96.943.493	450.885.855
13. Lợi nhuận khác	40		168.525.977	(354.571.065)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.412.539.816	11.860.579.534
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	762.872.172	(513.822.244)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>63.649.667.644</u>	<u>12.374.401.778</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-


Trần Thị Phụng
Người lập/ Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022
Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		368.744.465.137	153.256.866.749
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(317.521.876.268)	(108.639.320.158)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.545.416.150)	(5.523.543.097)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.16; VI.4	(17.649.928.804)	(27.340.368.721)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		31.910.147.262	811.138.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36.685.533.256)	(49.855.068.934)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><u>24.251.857.921</u></u>	<u><u>(37.290.296.161)</u></u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(101.838.182.976)	(104.479.693.173)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		58.548.063.598	96.941.931.704
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	60.937.194.959	31.971.179.015
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><u>17.647.075.581</u></u>	<u><u>24.433.417.546</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM


Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	34.005.497.825	26.510.000.925
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(65.344.143.058)	(24.666.240.950)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.20	(11.025.000)	(9.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(31.349.670.233)</u>	<u>1.834.259.975</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.549.263.269	(11.022.618.640)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.970.503.197	17.040.803.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.060.760	(47.682.162)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>16.528.827.226</u>	<u>5.970.503.197</u>


 Trần Thị Phụng
 Người lập/ Kế toán trưởng




 Phan Trung Nam
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa làm từ plastic, cho thuê máy móc, thiết bị và thiết bị kỹ thuật khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay gia tăng đáng kể so với năm trước là do trong năm Công ty đã mở rộng thị trường tìm kiếm các khách hàng mới, doanh số bán gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty gia tăng đột biến chủ yếu đến từ lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Lô K-3-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất sản phẩm từ plastic	99,52%	99,52%	99,52%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	Số 18C Phạm Đình Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm từ plastic	20,69%	20,69%	20,69%
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất hạt nhựa PVC	27,51%	27,51%	27,51%
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất nhựa PVC	15%	15%	15%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Hà Nội	39A phố Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ Nhựa Số Một	403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

- 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- 9. Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 19 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty chỉ có hàng hóa. Giá gốc hàng hóa tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất đã được khấu hao hết.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 06 năm đến 12 năm.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện đầu tư dự án nhằm phân chia lợi nhuận. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn và tổng số vốn đầu tư vào dự án. Công ty có thể chuyển nhượng vốn góp thực hiện dự án với điều kiện bên nhận chuyển nhượng phải thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn theo quy định của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.466.501.813	811.017.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.057.393.906	2.134.992.010
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) ⁽ⁱ⁾	2.004.931.507	3.024.493.737
Cộng	16.528.827.226	5.970.503.197

(i) Toàn bộ hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản mở L/C.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,7%/năm.

Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Dương với số tiền 98.412.028.700 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản mở LC và khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	33.023.687.895	(12.385.082.595)	33.023.687.895	(10.212.584.693)
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước ⁽ⁱ⁾	22.298.490.000	(2.172.497.902)	22.298.490.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một ⁽ⁱⁱ⁾	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam ^(iv)	725.197.895	(212.584.693)	725.197.895	(212.584.693)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	121.946.480.594	(16.961.554.628)	121.946.480.594	(16.961.554.628)
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn ^(v)	16.961.554.628	(16.961.554.628)	16.961.554.628	(16.961.554.628)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem ^(vi)	15.279.075.966	-	15.279.075.966	-
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina ^(vii)	89.705.850.000	-	89.705.850.000	-
Cộng	154.970.168.489	(29.346.637.223)	154.970.168.489	(27.174.139.321)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700822089, thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước 22.298.490.000 VND, tương đương 99,52% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310541880 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105008197 ngày 16 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311679634 ngày 29 tháng 3 năm 2012, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303643747 ngày 02 tháng 8 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn 16.760.800.000 VND, tương đương 20,69% vốn điều lệ. Giá trị khoản đầu tư đã được đánh giá lại là 16.961.551.628 VND khi Công ty thực hiện cổ phần hóa.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000440 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem 789.061 USD, chiếm 27,51% vốn điều lệ.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472023000582 ngày 11 tháng 7 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248368 ngày 25 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina 5.250.000 USD, chiếm 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 14/2021/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước ngoại trừ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một, Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam đã ngừng hoạt động để thu hồi công nợ trước khi giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	27.174.139.321	18.029.784.470
Trích lập dự phòng bổ sung	2.172.497.902	9.144.354.851
Số cuối năm	<u>29.346.637.223</u>	<u>27.174.139.321</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết
Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước</i>		
Cho thuê máy móc, thiết bị	1.390.588.150	2.781.176.300
Cho thuê đất	7.101.818	7.101.818
Cổ tức được chia	-	70.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một</i>		
Mua hàng	92.836.364	-
Cho vay	12.000.000	30.000.000
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn</i>		
Cho thuê tài sản		249.964.902
<i>Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem</i>		
Chia lợi nhuận	13.363.900.866	-
Doanh thu hoa hồng	-	2.236.363.636
<i>Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina</i>		
Chia lợi nhuận	52.489.200.000	40.914.375.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>53.191.525.049</u>	<u>57.283.292.014</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	4.204.119.608	5.733.766.573
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	1.573.647.524	1.573.647.524
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	56.558.848	158.678.848
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	47.357.199.069	47.357.199.069
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	-	2.460.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>15.414.449.183</u>	<u>33.414.989.831</u>
Công ty TNHH Công nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	1.004.858.714	2.804.858.714
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	5.991.902.044	7.489.877.552
Các khách hàng khác	5.747.718.007	20.450.283.147
Cộng	<u>68.605.974.232</u>	<u>90.698.281.845</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Reed Business Information LTD	93.610.200	93.610.200
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam – Vietravel	-	104.720.000
Công ty TNHH Việt Phương	104.713.970	610.999.175
Công ty TNHH Kỹ nghệ Thái Dương	610.999.175	104.713.970
Các nhà cung cấp khác	56.000.000	110.450.200
Cộng	<u>685.323.345</u>	<u>1.024.493.545</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	1.365.472.319	1.353.472.319
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	1.283.472.319	1.283.472.319
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	82.000.000	70.000.000
<i>Cho cá nhân khác vay</i>	251.475.750	-
Ông Nguyễn Quốc Nhật	251.475.750	-
Cộng	<u>1.616.948.069</u>	<u>1.353.472.319</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Số dư đầu năm là khoản cho ông Nguyễn Quốc Nhật vay.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	42.052.797.270	(858.937.689)	31.312.797.270	(499.932.000)
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina - Lợi nhận được chia	41.040.000.000	-	29.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn - Cổ tức được chia	499.932.000	(499.932.000)	499.932.000	(499.932.000)
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước - Cổ tức được chia	512.865.270	(359.005.689)	1.232.865.270	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.600.495.050	(1.456.601.750)	33.083.776.198	(1.362.657.379)
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	82.400.000	-	31.384.729.700	-
Lãi dự thu	1.928.305.554	-	-	-
Tạm ứng	18.370.000	-	71.264.934	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.571.419.496	(1.456.601.750)	1.627.781.564	(1.362.657.379)
Cộng	<u>45.653.292.320</u>	<u>(2.315.539.439)</u>	<u>64.396.573.468</u>	<u>(1.862.589.379)</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khoản ký quỹ dài hạn	40.000.000	-	40.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long - Góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long ⁽¹⁾	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Cộng	<u>21.040.000.000</u>	<u>-</u>	<u>21.040.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ④ Giá trị phải thu dài hạn khác thể hiện giá trị Quyền góp vốn đầu tư vào Dự án “Trụ sở, văn phòng trung bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” tọa lạc tại số 360 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội của Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long với số tiền góp vốn là 21.000.000.000 đồng (bằng hình thức bù trừ công nợ). Dự án đã được phê duyệt đầu tư và xây dựng. Do tài chính khó khăn nên Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long đã ký hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thực hiện dự án cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đông Thịnh Phát để tiếp tục thực hiện dự án. Tuy nhiên, do thay đổi một số thủ tục của dự án nên đến thời điểm lập báo cáo tài chính dự án vẫn chưa hoàn tất việc chuyển nhượng.

7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		55.557.794.638	2.216.083.906		56.195.400.405	2.696.599.980
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước						
Phải thu tiền bán hàng		4.204.119.608	2.041.224.325		5.322.470.645	2.696.599.980
	Trên 03 năm	733.529.750	-	Trên 03 năm	-	-
	Từ 02 đến dưới 03 năm	-	-	Từ 02 đến dưới 03 năm	3.792.823.680	1.625.847.104
	Từ 01 đến dưới 02 năm	1.940.942.893	970.471.449	Từ 01 đến dưới 02 năm	-	-
	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.529.646.965	1.070.752.876	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.529.646.965	1.070.752.876
Phải thu khác	Từ 02 đến dưới 03 năm	512.865.270	153.859.581			
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch Vụ Nhựa Trường An						
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.573.647.524	-	Trên 03 năm	1.573.647.524	-
Phải thu về cho vay	Trên 03 năm	1.283.472.319	-	Trên 03 năm	1.283.472.319	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một						
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	56.558.848	-	Trên 03 năm	158.678.848	-
Phải thu về cho vay		70.000.000	21.000.000		-	-
	Trên 03 năm	20.000.000	-		-	-
	Từ 02 đến dưới 03 năm	20.000.000	6.000.000		-	-
	Từ 01 đến dưới 02 năm	30.000.000	15.000.000		-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn						
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	47.357.199.069	-	Trên 03 năm	47.357.199.069	-
Phải thu khác	Trên 03 năm	499.932.000	-	Trên 03 năm	499.932.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Các tổ chức và cá nhân khác					
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	Từ 01 năm đến trên 03 năm	14.193.038.128 1.904.858.714	84.219.612 112.030.595	Từ 01 năm đến trên 03 năm	17.622.582.465 2.804.858.714
Phải thu tiền bán hàng		1.004.858.714	84.219.612		2.804.858.714
	Trên 03 năm	724.126.669	-	Trên 03 năm	2.524.126.669
	Từ 02 đến dưới 03 năm	280.732.045	84.219.612		-
	Từ 01 đến dưới 02 năm	-	-	Từ 01 đến dưới 02 năm	280.732.045
Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long					
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	5.991.902.044	-	Trên 03 năm	7.489.877.552
Các tổ chức và cá nhân khác		7.196.277.370	-		7.327.846.199
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	4.622.876.527	-	Trên 03 năm	4.848.389.726
Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	865.323.343	-	Trên 03 năm	865.323.344
Phải thu về cho vay	Trên 03 năm	251.475.750	-	Trên 03 năm	251.475.750
Phải thu khác	Trên 03 năm	1.456.601.750	-	Trên 03 năm	1.362.657.379
Cộng		69.750.832.766	2.300.303.517		73.817.982.870
					2.836.966.002

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn		Cho vay dài hạn	Cộng
	Số đầu năm	Số cuối năm		
Số đầu năm	70.729.541.118		251.475.750	70.981.016.868
Điều chỉnh dự phòng cho vay dài hạn sang ngắn hạn		251.475.750	(251.475.750)	-
Hoàn nhập dự phòng		(3.530.487.619)	-	(3.530.487.619)
Số cuối năm	<u>67.450.529.249</u>	<u>67.450.529.249</u>	<u>-</u>	<u>67.450.529.249</u>

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	22.905.200.300	-
Hàng hóa	13.385.959.924	(54.580.079)	915.721.168	-
Cộng	<u>13.385.959.924</u>	<u>(54.580.079)</u>	<u>23.820.921.468</u>	<u>-</u>

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước còn phải phân bổ theo hợp đồng thuê lại đất ngày 27 tháng 6 năm 2006 với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	3.038.218.616	102.302.078.279	694.501.247	1.052.714.595	216.617.727	107.304.130.464
Số cuối năm	<u>3.038.218.616</u>	<u>102.302.078.279</u>	<u>694.501.247</u>	<u>1.052.714.595</u>	<u>216.617.727</u>	<u>107.304.130.464</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.351.782.816	102.208.878.279	694.501.247	1.052.714.595	37.440.000	106.345.316.937
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.647.482.212	102.290.904.058	694.501.247	1.052.714.595	160.624.684	106.846.226.796
Khấu hao trong năm	24.604.956	7.766.664	-	-	44.794.511	77.166.131
Số cuối năm	<u>2.672.087.168</u>	<u>102.298.670.722</u>	<u>694.501.247</u>	<u>1.052.714.595</u>	<u>205.419.195</u>	<u>106.923.392.927</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	390.736.404	11.174.221	-	-	55.993.043	457.903.668
Số cuối năm	<u>366.131.448</u>	<u>3.407.557</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>11.198.532</u>	<u>380.737.537</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế theo sổ sách là 102.863.379.526 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II (Xem thuyết minh số V.18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.646.960.000	342.330.120	2.989.290.120
Số cuối năm	<u>2.646.960.000</u>	<u>342.330.120</u>	<u>2.989.290.120</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.646.960.000	342.330.120	2.989.290.120
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.646.960.000	316.823.616	2.963.783.616
Khấu hao trong năm	-	25.506.504	25.506.504
Số cuối năm	<u>2.646.960.000</u>	<u>342.330.120</u>	<u>2.989.290.120</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	25.506.504	25.506.504
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh do Công ty tiến hành trích tỷ lệ dự phòng nợ phải thu khó đòi cao hơn quy định hiện hành. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.037.241.333	523.419.089
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(762.872.172)	513.822.244
Số cuối năm	274.369.161	1.037.241.333

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Intraco Trading Pte., Ltd	7.022.701.125	9.611.147.700
Lotte Chemical Corporation	2.068.968.000	7.160.920.200
Bgn Int Pte., Ltd	21.016.759.500	25.725.625.200
Invict (Singapore) Pte., Ltd	-	3.188.423.700
GC Marketing Solution Company Limited	-	5.288.320.800
Samsung C and T Hongkong Limited	5.753.280.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.738.761.606	8.265.452.091
Cộng	39.600.470.231	59.239.889.691

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Điều chỉnh giảm tiền thuế đất	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	29.047.765.368	(29.047.765.368)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.014.872.412	(1.014.872.412)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.991	47.235.932	-	-	-	-	45.894.941
Thuế thu nhập cá nhân	158.433.376	-	292.010.070	(366.105.492)	-	-	84.337.954
Thuế nhà đất	-	-	18.836.503	(18.836.503)	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	422.916.880	(56.359.000)	(1.412.060.910)	-	1.045.503.030
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-
(i)	9.986.916.209	-	-	-	-	9.986.916.209	-
Cộng	10.146.690.576	47.235.932	30.801.401.233	(30.508.938.775)	(1.412.060.910)	10.071.254.163	1.091.397.971

(i) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn 6258/BCT-CNN ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13 tháng 7 năm 1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách Nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu hàng hóa	0%
- Dịch vụ cấp nước	5%
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong nước	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.412.539.816	11.860.579.534
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.519.573	3.017.461.503
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(3.814.360.860)</u>	<u>-</u>
Thu nhập chịu thuế	60.601.698.529	14.878.041.037
Thu nhập được miễn thuế	<u>(65.853.100.866)</u>	<u>(40.914.375.000)</u>
Thu nhập tính thuế	(5.251.402.337)	(26.036.333.963)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.822.261.832	11.559.138.749
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.640.196.000	1.658.606.000
Cộng	<u><u>3.462.457.832</u></u>	<u><u>13.217.744.749</u></u>

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	60.801.220	4.035.860
Nhận ký quỹ ngắn hạn	79.200.000	79.200.000
Cổ tức phải trả	521.118.513	532.143.513
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	500.595.000	401.023.076
Cộng	<u><u>1.161.714.733</u></u>	<u><u>1.016.402.449</u></u>

17b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	6.330.970.800
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	-	6.330.970.800
Vay dài hạn đến hạn trả	116.053.686.659	138.371.840.635
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II ⁽ⁱⁱ⁾	<u>116.053.686.659</u>	<u>138.371.840.635</u>
Cộng	<u>116.053.686.659</u>	<u>144.702.811.435</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán các LC đến hạn với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.2a). Công ty có khả năng thanh toán được khoản vay này.

(ii) Khoản vay theo hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTĐ-ODA-TĐTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II) với số tiền 49.010.105 Nhân dân tệ để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in dự án, thời hạn vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo, lãi suất vay là 3,2%/năm tính trên dư nợ vay. Khoản vay được trả vào nhiều lần, bắt đầu từ ngày 10 tháng 9 năm 2011 đến ngày 10 tháng 3 năm 2021.

Khoản vay này đã quá hạn thanh toán. Theo Công văn số 6258/BTC-CNN ngày 24 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty, đề nghị cho Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế hoạch vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính. Số dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 31.961.027,42 CNY (tương ứng 116.053.686.659 VND).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.330.970.800	34.005.497.825	(40.336.468.625)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	138.371.840.635	-	(25.007.674.433)	2.689.520.457	116.053.686.659
Cộng	<u>144.702.811.435</u>	<u>34.005.497.825</u>	<u>(65.344.143.058)</u>	<u>2.689.520.457</u>	<u>116.053.686.659</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Biến động Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.336.242.250	1.467.000.000
Trích quỹ trong năm	1.946.000.000	1.420.000.000
Sử dụng trong năm	(1.677.389.880)	(1.550.757.750)
Số cuối năm	1.604.852.370	1.336.242.250

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	(67.058.360.312)	127.230.769.688
Lợi nhuận trong năm trước	-	12.374.401.778	12.374.401.778
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	(1.420.000.000)	(1.420.000.000)
Số dư cuối năm trước	194.289.130.000	(56.103.958.534)	138.185.171.466
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	(56.103.958.534)	138.185.171.466
Lợi nhuận trong năm nay	-	63.649.667.644	63.649.667.644
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	(1.946.000.000)	(1.946.000.000)
Số dư cuối năm nay	194.289.130.000	5.599.709.110	199.888.839.110

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	127.943.420.000	127.943.420.000
Các cổ đông khác	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	194.289.130.000	194.289.130.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 39.21/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 29 tháng 6 năm 2021 với số tiền 1.946.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	372.000.000	444.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	279.166.667	178.000.000
Cộng	<u>651.166.667</u>	<u>622.000.000</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Hợp đồng thuê tại tầng 10 thuộc tòa nhà Mecanimex TP. Hà Nội để làm văn phòng.
- Hợp đồng thuê thửa đất tại Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để đặt máy móc, thiết bị.

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 2.666,91 USD (số đầu năm là 7.008,85 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	313.578.880.430	139.613.962.615
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.370.386.255	13.630.793.728
Doanh thu khác	7.101.818	7.101.818
Cộng	<u>316.956.368.503</u>	<u>153.251.858.161</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	304.706.599.922	135.915.731.869
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	59.983.529	103.159.865
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	54.580.079	(230.594.773)
Cộng	<u>304.821.163.530</u>	<u>135.788.296.961</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	7.752.399.647	5.564.066.842
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.853.100.866	40.914.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	681.379.963	216.468.071
Cộng	<u>74.286.880.476</u>	<u>46.694.909.913</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.913.051.887	13.715.562.088
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	203.752.826	96.505.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.797.798.884	7.414.000.781
Dự phòng/ (Hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	2.172.497.902	9.144.354.851
Cộng	<u>13.087.101.499</u>	<u>30.370.423.051</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.194.110.834	1.048.911.455
Chi phí vật liệu, bao bì	-	3.434.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.510.854.944	1.975.450.887
Các chi phí khác	5.945.091	103.639.388
Cộng	<u>3.710.910.869</u>	<u>3.131.435.930</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.014.283.492	4.764.689.911
Chi phí vật liệu quản lý	146.352.408	48.149.966
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.270.000	150.295.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.490.879	329.015.839
Thuế, phí và lệ phí	563.195.001	2.323.515.191
Dự phòng/ (Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(3.530.487.619)	6.873.179.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.634.948.429	2.221.546.602
Các chi phí khác	1.256.006.652	1.731.069.454
Cộng	<u>5.380.059.242</u>	<u>18.441.461.533</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.622.408	201.879.416
Chi phí nhân công	6.208.394.326	5.813.601.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.490.879	329.015.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.145.803.373	4.196.997.489
Chi phí khác	(1.705.340.875)	11.031.403.353
Cộng	<u>9.090.970.111</u>	<u>21.572.897.463</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.465.694.063	3.370.015.233
Trên 01 năm đến 05 năm	4.065.205.150	6.824.280.333
Trên 05 năm	-	-
Cộng	7.530.899.213	10.194.295.567

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt: bao gồm lương và thù lao trong năm là 2.245.400.000 VND (năm trước là 2.129.365.000 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	Công ty liên doanh

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.6a.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại (chiếm tỷ trọng trên 98%) và trong một khu vực địa lý là TP. Hồ Chí Minh.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Một số công ty con của công ty hoạt động không hiệu quả và đã ngưng hoạt động để tập trung thu hồi công nợ tồn đọng nên các khoản cho vay trong năm của công ty chủ yếu là cho các công ty con này vay để duy trì trong giai đoạn thu hồi công nợ chờ giải thể.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá trị của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá trị	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá trị	Đã quá hạn nhưng không giảm giá trị	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá trị	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.528.827.226	-	-	-	16.528.827.226
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	136.269.371.166	-	-	-	136.269.371.166
Phải thu khách hàng	3.794.811.898	5.991.902.044	-	58.819.260.290	68.605.974.232
Các khoản cho vay	12.000.000	-	-	1.604.948.069	1.616.948.069
Các khoản phải thu khác	64.205.523.300	-	-	2.469.399.020	66.674.922.320
Cộng	220.810.533.590	5.991.902.044	-	62.893.607.379	289.696.043.013
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.970.503.197	-	-	-	5.970.503.197
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	92.991.251.788	-	-	-	92.991.251.788

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá trị	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá trị	Đã quá hạn nhưng không giảm giá trị	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá trị	Cộng
Phải thu khách hàng	21.143.159.767	7.489.877.552	-	62.065.244.526	90.698.281.845
Các khoản cho vay	70.000.000	-	-	1.534.948.069	1.604.948.069
Các khoản phải thu khác	83.502.719.155	-	-	1.862.589.379	85.365.308.534
Cộng	203.677.633.907	7.489.877.552	-	65.462.781.974	276.630.293.433

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	39.600.470.231	-	-	39.600.470.231
Vay và nợ	116.053.686.659	-	-	116.053.686.659
Các khoản phải trả khác	4.563.371.345	481.128.800	-	5.044.500.145
Cộng	160.217.528.235	481.128.800	-	160.698.657.035
Số đầu năm				
Phải trả người bán	59.239.889.691	-	-	59.239.889.691
Vay và nợ	144.702.811.435	-	-	144.702.811.435
Các khoản phải trả khác	14.230.111.338	483.128.800	-	14.713.240.138
Cộng	218.172.812.464	483.128.800	-	218.655.941.264

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nhập khẩu hàng hóa với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và vay vốn với đồng tiền chủ yếu là CNY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	CNY	USD	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.666,91		7.008,85	-
Phải trả người bán	(1.657.322,50)		(2.517.510,00)	-
Vay và nợ	-	(31.961.027,42)	(273.240,00)	(39.011.500,20)
Chi phí phải trả	-	(501.848,43)	-	(3.258.895,32)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.654.655,59)	(32.462.875,85)	(2.783.741,15)	(42.270.395,52)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 615.351.880 VND (năm trước giảm/tăng 1.028.870.729 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty đã thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền 100.416.960.207 VND để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh số V.18).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.528.827.226	-	5.970.503.197	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	136.269.371.166	-	92.991.251.788	-
Phải thu khách hàng	68.605.974.232	(62.685.718.397)	90.698.281.845	(66.718.156.077)
Các khoản cho vay	1.616.948.069	(1.583.948.069)	1.604.948.069	(1.534.948.069)
Các khoản phải thu khác	66.674.922.320	(2.315.539.439)	85.365.308.534	(1.862.589.379)
Cộng	289.696.043.013	(66.585.205.905)	276.630.293.433	(70.115.693.525)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:


	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	39.600.470.231	59.239.889.691
Vay và nợ	116.053.686.659	144.702.811.435
Các khoản phải trả khác	5.044.500.145	14.713.240.138
Cộng	160.698.657.035	218.655.941.264

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Trần Thị Phụng
Người lập/ Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2022


Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc

